

Tăng trưởng kinh tế (TTKT) và công bằng xã hội (CBXH) nói chung là những nội dung chủ yếu trong các học thuyết kinh tế, của các chiến lược, chính sách phát triển ở các nước đang phát triển. Một mục tiêu trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) ở nước ta là TTKT cao, liên tục, lâu dài đi kèm tiến bộ và CBXH. Đại hội VIII đã chỉ rõ bài học kinh nghiệm của những năm đổi mới, cũng như phương hướng phát triển lâu dài: "Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội". TTKT hiểu một cách chung nhất là sự gia tăng của cái xã hội được sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định. Trên thực tế người ta thường sử dụng hai chỉ số GDP - Tổng sản phẩm quốc nội và GNI - Tổng thu nhập quốc dân để diễn đạt khái niệm này. Tiến bộ và CBXH là các khái niệm có nội hàm rất rộng. Tuy vậy có thể hiểu tiến bộ và CBXH (gọi chung là CBXH) là những khái niệm chỉ tình trạng đối, nghèo (hay nghèo tuyệt đối), và sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội (hay nghèo tương đối, nói gọn là bất bình đẳng về thu nhập - BBD).

Quá trình phát triển kinh tế (PTKT) thế giới kể từ khi thuật ngữ Kinh tế học chính trị do A. Montchrétien sử dụng lần đầu năm 1615 trong tác phẩm Chuyên luận về Kinh tế học chính trị thực chất là quá trình phát triển nhận thức về TTKT, PTKT và CBXH, cũng như chứng kiến những nỗ lực lớn lao của các nước, các dân tộc nhằm hiện thực hóa một xã hội phát triển cao về kinh tế, công bằng về xã hội. Có thể điểm lại một số chiến lược mà các nước đã thực hiện nhằm kết hợp TTKT với CBXH:

Chiến lược tăng trưởng trước, công bằng sau (*Grow first, then Redistribute*): Cho đến những năm 50, 60 của thế kỷ 20, rất nhiều nước đang phát triển chủ trương thúc đẩy TTKT trước, để các vấn đề về CBXH lại giải quyết sau. Các nhận định, khuyến hướng như "tăng trưởng đã trở thành một lối sống", hay tạo ra "chiếc bánh lớn rồi hãy quan tâm đến việc chia và lúc đó phần của mỗi người đương nhiên sẽ tăng" đều là những biểu hiện của chiến lược này, vốn đã bị phá sản chủ yếu bởi cái giá phải trả quá cao, và trong nhiều trường hợp, ngay cả mục tiêu TTKT cũng không được bảo đảm chứ chưa nói đến triển vọng của CBXH.

Chiến lược công bằng trước, tăng trưởng sau hay chiến lược để cao công bằng xã hội (*Redistribute first, then Grow*) được các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa (XHCH) thực hiện: Quá trình phát triển được bắt đầu với việc chuyển tư liệu sản xuất từ tay giai cấp tư sản và địa chủ thành sở hữu tập

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

Thạc sĩ NGÔ QUANG THÀNH

thể hoặc sở hữu công cộng. Do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do thiếu cơ sở vật chất - tài chính để thực hiện chiến lược này trong lâu dài, hay nói khác đi, do quá chú trọng CBXH đến mức bình quân chủ nghĩa mà chiến lược này đã triệt tiêu động lực lao động sáng tạo hoặc/và do hiệu quả quản lý tài sản kém, cho nên đã kìm hãm TTKT.

Từ những năm 70 của thế kỷ này, xu hướng phát triển tránh những sự cực đoan trên đã dẫn đến con đường trung gian, đó là thực hiện công bằng xã hội cùng với tăng trưởng kinh tế, gồm một số nội dung như tái phân phối với tăng trưởng kinh tế (*Redistribution with Growth*) do Ngân hàng Thế giới khởi xướng, và nhu cầu cơ bản. Quan điểm của Ngân hàng Thế giới là chính sách của chính phủ cần ảnh hưởng đến mô hình phát triển sao cho tầng lớp có thu nhập thấp (chủ yếu là người nghèo và những người sản xuất nhỏ) có cơ hội cải thiện thu nhập và đồng thời nhận được sự hỗ trợ cần thiết để phát huy năng lực của họ. Ở góc độ khác, tiếp cận nhu cầu cơ bản nhấn mạnh việc cung cấp các dịch vụ công cộng cùng như những hàng hóa và dịch vụ cơ bản như lương thực thực phẩm, nước sạch, chăm sóc sức khỏe, giáo dục tiểu học, nhà ở cho những người nghèo. Tuy nhiên, chiến lược này thực chất là chiến lược thứ hai, nhưng được bổ sung các biện pháp "chứa cháy" hướng vào thành phần dân nghèo ở các nước đang phát triển do các tổ chức quốc tế khởi xướng. Tính chất "nửa vời" hay "chưa triệt để" chính là hạn chế của chiến lược này.

Nguyên nhân bao trùm khiến các chiến lược trên thực hiện không thành công hoặc khó được hiện thực hóa là chúng dựa trên, dù tưởng chừng hay ăn dè, luận điểm của Simon Kuznets về BBD (hay giả thuyết chữ U ngược), nhấn mạnh sự đánh đổi giữa TTKT và CBXH (thông qua sự vận động của BBD) ở giai đoạn đầu của sự phát triển. Người ta thường giải thích hiện tượng này bằng sự phát triển đi trước của một bộ phận lao động vào những ngành có năng suất lao động cao ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển

(BBD tăng cao hay CBXH bị vi phạm) và với việc lao động xã hội toàn dụng trong các ngành có năng suất lao động cao ở giai đoạn sau, BBD giảm đi hay xã hội công bằng hơn.

Những nghiên cứu thực chứng cho thấy luận điểm này phù hợp với nguồn số liệu chéo nhưng không đứng vững trong trường hợp số liệu theo chuỗi thời gian. Và như vậy, nói chung luận điểm của Kuznets chưa được chứng minh một cách thuyết phục. Hiện nay giới nghiên cứu nước ngoài tương đối thống nhất một điểm, đó là ở giai đoạn đầu của sự phát triển, đối với một nước nông nghiệp đi theo con đường công nghiệp hóa, điều cần thiết là sự gia tăng đáng kể BBD (do TTKT được thúc đẩy bởi việc một bộ phận lao động được hút vào các ngành có năng suất lao động cao như đã đề cập) đi liền với sự giảm sút tỷ lệ thu nhập của 20, 40, hoặc 60% dân số phía dưới (!). Tuy nhiên, vấn đề các nhà nghiên cứu nước ngoài còn đang tranh cãi là phải chăng sự giảm BBD cùng với quá trình phát triển là không tránh khỏi (là tự nó), hay là một vấn đề của lựa chọn chính sách.

Chúng tôi cho rằng có một điểm chính cần lưu ý, đó là: Quan hệ TTKT và BBD trong luận điểm mới chỉ là hiện tượng. Luận điểm chưa chỉ ra bản chất vấn đề hay nguyên nhân bên trong quyết định sự tác động qua lại giữa chúng. Cần phải thấy BBD nói riêng và quan hệ TTKT-BBD rất phụ thuộc vào mô hình PTKT của mỗi quốc gia, gồm những lực lượng thúc đẩy TTKT, chi phối BBD và cả chiến lược TTKT của đất nước đó.

Đúng là, ở đầu giai đoạn phát triển, một bộ phận dân số có trình độ có thể và cần phải được thu hút hết vào các ngành kỹ thuật cao để thúc đẩy TTKT, và như vậy có thể tạo ra sự BBD. Nhưng phải thấy rằng đây cũng chỉ là một trường hợp có thể trong nhiều trường hợp, một hiện tượng có "tính quy luật" trong nhiều hiện tượng có "tính quy luật" và cả "không có tính quy luật". Có thể lắm chứ trường hợp một nền kinh tế có nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng khá, và như vậy nếu tiền công/tiền lương là một bộ phận

chủ yếu trong toàn bộ thu nhập của người lao động và được quyết định bởi chất lượng lao động thì sự đo lường của khoảng cách giàu - nghèo trong xã hội hẳn là bé hơn trường hợp "có điểm" vốn nhấn mạnh sự di chuyển của "một bộ phận lao động" vào ngành có năng suất lao động cao để giải thích cho sự gia tăng BBĐ ở đầu giai đoạn phát triển đã nêu trên. Rõ ràng cái gọi là xu hướng có "tính quy luật" bị chi phối mạnh mẽ bởi những điều kiện ban đầu của nền kinh tế, cái quy định chủ yếu những lực đẩy của quá trình phát triển.

Hoặc đầu phải bắt cứ quá trình TTKT nào cũng "bòn rút" thu nhập của các tầng dân cư lớp dưới. Điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng chỉ đơn cử việc chọn lựa chiến lược đầu tư. Ví dụ: một nước đang phát triển mà 50% dân số trên chiếm 80% GDP, 50% dân số dưới chiếm 20% GDP. Nếu đầu tư hoàn toàn cho 50% dân số trên thì 10% TTKT của bộ phận này đưa đến 8% TTKT của toàn nền kinh tế, nhưng lúc này nghèo đói tăng và BBĐ cũng tăng. Ngược lại, sự TTKT 10% của 50% dân số dưới mà thôi sẽ đưa đến 2% TTKT của toàn nền kinh tế, nhưng nghèo đói có thể không xảy ra, và BBĐ có thể được thu hẹp. Ví dụ này cho thấy chỉ chiến lược đầu tư thôi, về lâu dài, cũng có thể ảnh hưởng đến tình trạng đói nghèo và phân phối thu nhập như thế nào.

Cũng có thể lấy một ví dụ liên quan đến chính sách phát triển. Chẳng hạn một nước đang phát triển lựa chọn chiến lược đầu tư nhằm khai thác triệt để lợi thế so sánh của mình về lao động có tay nghề, về tài nguyên thiên nhiên, và điều kiện tự nhiên chắc hẳn vấn đề BBĐ sẽ kém gay gắt hơn một nước hướng chính sách đầu tư thiên lệch vào các ngành thâm dụng vốn (capital - intensive), tập trung ở thành thị và phục vụ cho một nhóm người có đặc quyền đặc lợi. Còn có thể kể ra rất nhiều và rất nhiều những yếu tố có tác động đến BBĐ, ví như những mặt tích cực của cơ chế thị trường, mặt tiến bộ trong sự quản lý của nhà nước; hay ngược lại những mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, cũng như những hạn chế, tồn tại, bất cập trong quản lý nhà nước; rồi như chính sách huy động nội lực, ngoại lực v.v..

Những điều đó chứng tỏ trong sự gia tăng BBĐ ở giai đoạn đầu của sự phát triển, và không những thế, chi phối toàn bộ sự vận động của BBĐ trong suốt quá trình phát triển có những nguyên nhân mang tính quy luật của một nền kinh tế nông nghiệp chậm phát triển bước vào giai đoạn CNH, HĐH; có những nguyên nhân thuộc về chiến lược, chính sách và cơ chế phát triển của đất nước đó trong bối cảnh quan hệ quốc tế nhất định.

Do đó, chỉ nhấn mạnh vào một trong hai loại nguyên nhân kể trên thì không đánh giá đầy đủ tình hình, từ đó việc xây dựng chiến lược, chính sách phát triển không chặt chẽ. Ngoài ra, đối với chúng ta, một điểm không kém phần quan trọng cần lưu ý là Kuznets xây dựng lý luận về BBĐ trên cơ sở nghiên cứu quá trình vận động và phát triển của các nước công nghiệp phát triển tư bản chủ nghĩa (TBCN) ngày nay. Đối với những nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) xuyên qua giai đoạn TBCN như nước ta hẳn xu hướng vận động cũng như mối quan hệ giữa TTKT và CBXH phải khác!

Ngày nay, trong giới nghiên cứu nước ngoài, "không có màu thuẫn" giữa TTKT và CBXH. Nhận thức này có tính tiến bộ. Sở dĩ như vậy bởi thực tế đã xuất hiện nhiều nước trong suốt quá trình phát triển của mình đạt được TTKT cao và CBXH luôn được cải thiện, như Đài Loan, Hàn Quốc, hay một số nước ASEAN sau này. Mặc dù vậy, vẫn còn rất nhiều nước đang phát triển đang "loay hoay" giải quyết TTKT, CBXH hoặc chưa đạt được TTKT gắn liền CBXH. Như vậy, TTKT cao, liên tục, lâu dài với CBXH ngày càng được cải thiện, tiến bộ xã hội ngày càng được nâng cao (ngay trong giai đoạn đầu của sự phát triển) không còn là hiện tượng cá biệt trong thế giới các nước đang phát triển, đặc biệt cũng không cần phải đợi các nước này "phát triển" đến trình độ cao, nhưng quá trình đó cũng chưa là hiện tượng phổ biến trên thế giới ngày nay. Lý do là, hiện nay, mặc dù giới nghiên cứu nước ngoài có nhận thức tiến bộ, nhưng phương pháp thực hiện thì vẫn "lạc hậu", biểu hiện là các chiến lược, chính sách TTKT và CBXH vẫn xoay quanh luận điểm chữ U ngược của Kuznets, để rồi từ đó đưa ra các chiến lược, chính sách hạn chế khía cạnh tiêu cực của quan hệ này trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn của một số nước như Hàn Quốc, Đài Loan. Thậm chí có học giả nước ngoài tuy không thừa nhận hoàn toàn giả thuyết của Kuznets nhưng vẫn không thoát ra khỏi cái bóng "khổng lồ" của giả thuyết này, khẳng định rằng ngay cả khi giả thuyết của Kuznets là "đúng" (!) thì thông qua các chính sách, biện pháp, người ta có thể làm cho nó "sai" để thực hiện mục tiêu TTKT đi đôi CBXH. Về cơ bản, tiếp cận như vậy bảo đảm TTKT có CBXH nhưng không chắc đó là TTKT trong CBXH vì thực sự vấn đề TTKT đã được nhấn mạnh ở đây.

Khách quan mà nói luận điểm của Kuznets có nguồn gốc lịch sử và nhận thức sâu xa của nó. Đáng tiếc là, do những điều kiện lịch sử nhất định, cho đến nay hầu hết các học thuyết

kinh tế chỉ tập trung vào TTKT, và coi CBXH là "phần dư", hay "cái đuôi" của quá trình TTKT. Trong trường hợp như thế này, CBXH có lúc, có nơi, bị "thu hẹp", trở thành mục tiêu của chỉ các chính sách xã hội mà thôi. Sự lệch lạc chỉ tập trung vào nghiên cứu TTKT mặt khác hàm ý rằng quan hệ giữa TTKT và CBXH là một sự đánh đổi (ví dụ: lý thuyết của D. Ricardo, của A. Lewis). Giả thuyết chữ U ngược của S. Kuznets phản ánh quan điểm này một cách đậm đặc nhất, phát biểu rằng: Ở giai đoạn đầu của sự phát triển, BBĐ gia tăng. BBĐ cao đến một ngưỡng nào đó thì sẽ giảm.

Trong vài chục năm gần đây, nhằm khắc phục những hạn chế do quan điểm thiên lệch nêu trên, một số tác giả cho rằng trong khi hiểu khá rõ những định tố (determinants) của TTKT, chúng ta lại khá mơ hồ về các định tố của BBĐ (biểu hiện tập trung nhất của CBXH). Vì vậy cần nghiên cứu theo hướng mới: những yếu tố nào quyết định BBĐ, từ đó, xây dựng chiến lược TTKT trong công bằng. Đây là hướng nghiên cứu bổ sung, có ích, và cần được tiếp tục hoàn thiện. Tuy nhiên cũng phải thấy hạn chế chủ yếu của cách tiếp cận này có lẽ là sự nhấn mạnh về CBXH. Vì vậy cần kết hợp cách tiếp cận trên với những hiểu biết về TTKT, cũng như nguồn gốc của nó. Những nghiên cứu theo hướng trên đưa ra một trong nhiều kết luận quan trọng; nguồn vốn con người là nhân tố chủ yếu làm giảm BBĐ, với những mô hình sở hữu đất đai, tài sản và phân phối thu nhập nhất định (Các nghiên cứu của Chenery, Syrquin, và M. S. Ahluwalia). Bên cạnh đó, nguồn vốn con người, trong quan hệ biện chứng chặt chẽ với vốn vật chất và tiến bộ công nghệ, là yếu tố chính quyết định chất lượng và sự bền vững của TTKT.

Thực tiễn trên khách quan khẳng định giá trị bền vững của học thuyết kinh tế của Marx. Học thuyết Marx về kinh tế, không chỉ là học thuyết PTKT, mà thực chất là học thuyết CBXH, và như vậy có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc về TTKT gắn liền CBXH. Đó là học thuyết kinh tế cách mạng nhất, giải quyết TTKT gắn liền CBXH triệt để nhất và cũng là học thuyết được xây dựng trên cơ sở lấy con người làm trung tâm.

Trong học thuyết kinh tế của Marx nổi lên hai tư tưởng lớn có tính thời đại và thời sự. Thứ nhất, quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất để nở dịch, bóc lột người lao động, là cơ sở, là cái quyết định quan hệ phân phối và từ đó quy định sự khác biệt về thu nhập, biểu hiện ra bên ngoài là sự phân hóa giàu - nghèo trong xã hội. Để khắc phục triệt để sự phân cách giàu - nghèo, phải thủ tiêu sự chiếm hữu tư

nhân về tư liệu sản xuất, xóa bỏ chế độ người bóc lột người theo lý luận phát triển hình thái kinh tế - xã hội của Marx.

Học thuyết Marx đề cập đến TTKT và CBXH ở tầng sâu nhất của vấn đề: công bằng về quyền sở hữu tư liệu sản xuất. Sau Marx và trước Marx, các nhà kinh tế tư sản đều né tránh vấn đề này và đây là cơ sở khách quan của chuỗi dài lệch lạc trong nghiên cứu vấn đề TTKT và CBXH của các học thuyết kinh tế tư sản từ trước đến nay. Bất chấp sự "né tránh" đó, thực tiễn PTKT sinh động của một số nước trên thế giới, dù là TBCN hay định hướng XHCN, chứng minh rằng những cải cách ban đầu về ruộng đất, tài sản quốc gia là điều kiện cơ bản cho TTKT gắn với CBXH lâu dài. Kinh nghiệm về vấn đề này của các nước không đi theo con đường XHCN như Đài Loan, Hàn Quốc, thật là sống động. Cả Đài Loan và Hàn Quốc, sau khi giành được độc lập từ tay Nhật Bản, đều chia tài sản do Nhật Bản chiếm giữ cho nông dân, đồng thời buộc các chủ đất bán xứ bán phần đất dôi ra trên 3 ha (trừ một số vùng trung du Hàn Quốc) cho nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất với giá thấp hơn giá thị trường. Hay như Hàn Quốc, sau khi giành được độc lập, đã thực hiện hai cuộc cải cách ruộng đất trong nông nghiệp nhằm chia những mảnh đất lớn thành các mảnh nhỏ và loại trừ việc linh canh trong nông nghiệp.

Thứ hai, học thuyết kinh tế của Marx lấy con người làm trung tâm chỉ ra rằng giá trị sức lao động, cái kết tinh của nguồn vốn con người, là nhân tố nguồn gốc của giá trị thặng dư, của quá trình tích lũy tư bản - vốn trong bất cứ nền sản xuất nào, và như vậy nó là yếu tố cốt tử của TTKT. Bên cạnh đó, xét cho cùng, CBXH càng cao khi người lao động hưởng ngày càng nhiều kết quả lao động của họ tức là giá trị thặng dư thuộc quyền định đoạt của họ ngày càng nhiều hơn. Xã hội công bằng hoàn toàn khi toàn bộ giá trị thặng dư thuộc quyền sở hữu của người lao động (đi nhiên việc phân phối không dựa trên điều gì khác ngoài sự đóng góp công sức của người lao động). Đây chính là tiêu chuẩn CBXH cao nhất theo quan điểm của chủ nghĩa Marx. Ý nghĩa lớn lao là con người là trực tuyến suốt, là nhân tố trung tâm chỉ đạo quá trình TTKT gắn liền CBXH.

Các nghiên cứu về nguồn gốc của TTKT và của BBĐ mấy mươi năm lại đây khẳng định giá trị của tư tưởng lớn về TTKT gắn liền CBXH trong học thuyết kinh tế của Marx. Chẳng hạn nghiên cứu gần đây của A. Fishlow cho thấy để thực hiện TTKT đi đôi với giảm nghèo, với cải thiện BBĐ, hai nhóm chính sách quan trọng nhất là

chính sách phân phối tài sản vật chất như cải cách đất đai... và chính sách tích lũy nhanh chóng nguồn vốn con người.

Với bề dày kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng hơn 70 năm, bản lĩnh chính trị vững vàng, nhân quan chính trị sâu sắc, và sự nhạy cảm trước thời cuộc, Đảng ta đã xác định hướng đi đúng đắn, tiến bộ và cách mạng trong sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta trong thế kỷ 21: Tăng trưởng kinh tế gắn liền công bằng xã hội. Để thực hiện thành công mục tiêu này, bám sát nguyên tắc thống nhất giữa phương hướng, mục tiêu, và phương pháp thực hiện, trước hết cần thẩm thấu quan điểm chỉ đạo bao trùm: kiên định con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, có sự tham gia của toàn dân, toàn thể dân tộc.

Do nhiều nguyên nhân và hoàn cảnh lịch sử, nước ta rơi vào vòng nô lệ của nước ngoài từ cuối thế kỷ 19. Chính Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân ta thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng dân tộc ta khỏi ách đô hộ nước ngoài, giải phóng nhân dân ta khỏi sự áp bức, bóc lột của chế độ phong kiến - thực dân bằng cuộc cách mạng tháng 8 - 1945. Rõ ràng 30 năm sau đó, Đảng ta liên tục lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thành công cuộc cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày nay, Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu lịch sử lãnh đạo đưa đất nước ta quá độ lên CNXH không qua giai đoạn TBCN. Thành quả của các cuộc cách mạng trước đây, đặc biệt trong lĩnh vực ruộng đất, sở hữu tư liệu sản xuất, và con đường của chúng ta lựa chọn ngày nay là xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN là những điều kiện cơ bản và là thuận lợi chủ yếu cho thực hiện mục tiêu TTKT gắn liền CBXH ở nước ta hiện nay. Với ý nghĩa đó, TTKT gắn liền CBXH vừa là mục tiêu, vừa là phương tiện để thực hiện gắn bó keo sơn liên minh giữa giai cấp nông dân, giai cấp công nhân, và tầng lớp trí thức. Nói khác đi, cũng có liên kết giai cấp, tránh phân hóa giai cấp là nội dung cốt lõi của TTKT gắn liền CBXH ở nước ta.

Thêm vào đó, chúng ta phải nhấn mạnh sự tham gia của toàn dân, toàn thể dân tộc vì có như vậy quá trình TTKT nói riêng, PTKT nói chung, mới thực sự gắn liền CBXH, mới thực sự theo định hướng XHCN. Lê-nin từng nói rằng sự phân biệt CNXH và CNTB chính là ở tính toàn dân của quá trình phát triển của CNXH. Thiếu tính toàn dân, CNXH không hơn gì CNTB trong

giải quyết TTKT và CBXH.

Ở nước ta, hàng ngàn năm nay từ buổi đầu các vua Hùng dựng nước, toàn dân và toàn dân tộc đã hòa quyền làm một, kết tinh thành tinh thần đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Biện chứng của lịch sử chứng minh đây là chìa khóa vàng giải quyết TTKT gắn liền CBXH. Nhiều nghiên cứu nước ngoài, dù tiếp cận dưới góc độ này hay khác, đều kết luận rằng sự tham gia của các tầng lớp nhân dân vào quá trình phát triển sẽ đảm bảo "vừa có phát triển vừa có công bằng xã hội".

Ở đây xuất hiện vấn đề không thể không giải quyết. Phải chăng BBĐ ở các nước TBCN phát triển hiện nay, biểu hiện thông qua các chỉ số Gini, tỷ lệ đình - dẫy ..., là đáng mong đợi, là "tiêu chuẩn" cho các nước đang phát triển? Và như vậy một hệ quả là, phải chăng con đường TBCN là tốt nhất, nhanh nhất, hay rẻ nhất? Sự thực là những chỉ số thống kê nêu trên không thể biện minh, che giấu thực tế xã hội còn đầy những bất công, phân biệt đối xử, và nghèo khổ kinh niên ở các nước TBCN phát triển (diễn hình là Mỹ). Nhưng điều quan trọng hơn là con đường, cách thức CNTB giải quyết TTKT và CBXH. Các nước này đã trải qua những đau đớn tận cùng của BBĐ, của bất công xã hội. Và ngày nay nó vẫn không ngừng bị chấn động bởi những cơn "đau đẻ" CBXH ngay trong lòng xã hội. Thành quả về BBĐ ở mức độ nào đó ở các nước này không phải là một quá trình phát triển "tự nhiên", không phải "từ trên trời rơi xuống", mà là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, thấm đẫm máu và nước mắt của hàng triệu người lao động suốt mấy trăm năm qua. Điềm lại toàn bộ lịch sử phát triển của các nước TBCN công nghiệp phát triển chỉ khẳng định một điều, đó là với tư cách là một trình độ phát triển lực lượng sản xuất tiên tiến (thể hiện ở tính chất xã hội hóa cao của nền sản xuất), CNTB đã giải quyết tạm ổn vấn đề TTKT trong tính lịch sử của nó. Tuy nhiên cái gọi là TTKT của CNTB lại gắn liền với khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ. TTKT gắn liền khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ ở các nước TBCN thực chất là biểu hiện ra bên ngoài của sự mất cân đối giữa các mục tiêu TTKT và CBXH. Hãy quan sát một cuộc khủng hoảng kinh tế thừa. Khái quát nhất, đó chính là hệ quả của việc lập trung quá mức tài sản, vốn liếng trong tay một số người giữ vai trò làm "cung" cho nền kinh tế, trong khi người tiêu dùng với quy mô thu nhập thấp hơn nhiều và với nhu cầu có khả năng thanh toán còn nhiều hạn chế của họ - cái quyết định quy mô thật sự của thị trường đóng vai trò là người thể hiện

"cầu". Mất cân bằng cung - cầu là không tránh khỏi và đó cũng chính là căn bệnh nan y của CNTB. Như vậy, CNTB không bao giờ có thể giải quyết rốt ráo vấn đề CBXH. Nói cách khác, CNTB giải quyết được vấn đề TTKT theo kiểu TBCN: đó là TTKT không đi đôi với CBXH mà lại gắn liền với khủng hoảng kinh tế theo chu kỳ (Xin miễn bàn về những "điều chỉnh", "tự thích nghi" của CNTB hiện đại vì điều đó không che giấu được, không "cải biến" được bản chất của vấn đề).

Như vậy, chỉ xuất phát từ chủ nghĩa Marx - Lê-nin, và tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ khi nền kinh tế vận động và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, có sự tham gia của toàn dân, của toàn thể dân tộc (tôi nhấn mạnh) mới giải quyết thấu đáo vấn đề tăng trưởng công bằng (Egrows) hay rộng hơn, phát triển công bằng (Edevelopment) : TTKT gắn liền CBXH ngay từ đầu, trong từng bước, và trong suốt quá trình phát triển, hôm nay và mai sau.

Thực hiện TTKT gắn liền CBXH là tiếp tục thực hiện tư tưởng chỉ đạo quá trình đổi mới ở nước ta được khởi xướng tại Đại hội VI, và được tiếp tục khẳng định tại Đại hội VII và VIII. Đó là đổi mới kinh tế làm trọng tâm, từng bước đổi mới chính trị. Thực tiễn nước ta hiện chỉ rằng các lĩnh vực có quan hệ gắn gũi và chặt chẽ với kinh tế cần được đổi mới kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh hơn nữa quá trình đổi mới nói chung và đổi mới kinh tế nói riêng. Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo về đổi mới ở nước ta, là toàn diện và đồng bộ, cần tiếp tục và đẩy nhanh quá trình hoàn thiện thể chế phát triển ở nước ta, trong đó tiếp tục hoàn thiện cơ chế thị trường đi đôi nâng cao và tăng cường năng lực quản lý của bộ máy Nhà nước là then chốt.

Thị trường phát triển đầy đủ và hoàn chỉnh là cơ sở để cả nhân phát huy năng lực của mình, để cạnh tranh bình đẳng. Sự quản lý của Nhà nước là để đảm bảo định hướng XHCN, hạn chế những tiêu cực của thị trường. Tuyệt nhiên Nhà nước không được gây "khó dễ", gây "hạn chế" cho các cá nhân tham gia vào quá trình PTKT. Để làm được điều này vấn đề cơ bản và có tính thời sự là phải có một nền hành chính sạch, mạnh, thoáng và tinh. Nền hành chính đó phải mang đậm tính chất là "công bộc" của dân, công chức phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư theo lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đổi mới là toàn diện và đồng bộ, là cách mạng về tư duy. Tư tưởng đó phải được quán triệt trong khâu hoạch định chính sách ở nước ta hiện nay. Việc hoạch định chính sách kinh tế -

xã hội trong thực tiễn phải hợp lý, đó là điều kiện thực hiện phương hướng chính sách kinh tế và chính sách xã hội hòa quyện với nhau như là điều kiện quyết định để đảm bảo TTKT gắn liền CBXH trên cơ sở lấy con người làm trung tâm, không ngừng phát huy và bồi dưỡng nâng cao nguồn vốn con người; cần nhắc thực hiện và hạn chế dần các chính sách kinh tế thúc đẩy TTKT trước mắt nhưng có hại cho CBXH về lâu dài; sử dụng hợp lý chính sách xã hội, căn cứ vào hoàn cảnh kinh tế - tài chính của đất nước, phù hợp với truyền thống nhân nghĩa, đạo lý tốt đẹp của dân tộc, tinh thần bao dung, nhân ái cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh; kiên quyết không thực hiện các chính sách kinh tế không thúc đẩy TTKT, có hại cho CBXH.

Bên cạnh đó, hiện nay "sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp dân cư tăng nhanh". Để giải quyết vấn đề này, các chính sách cụ thể nhằm TTKT gắn liền CBXH phải quán triệt quan điểm cân đối, và toàn diện. Cần đổi lại TTKT gắn liền CBXH phải được giải quyết trong sự tác động qua lại, mối tương quan giữa các vùng trong cả nước, giữa thành thị và nông thôn, giữa vùng đồng bằng ven biển và vùng trung du miền núi. Nội dung chủ yếu là: "Làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm". Toàn diện là phải giải quyết TTKT và CBXH vừa ở tầm vĩ mô vừa ở tầm vi mô, cả nước chứ không chỉ một vài vùng, thành thị cũng như nông thôn, nội dung chính là sao cho "ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành", để dần tiến lên "mọi người được ăn no, mặc ấm, sung sướng, tự do".

Có quan điểm đúng, đường lối đúng, chủ trương đúng và chính sách đúng thì chưa đủ. Cần phải có nỗ lực thực hiện đúng đắn của toàn Đảng, toàn dân ta. Một vấn đề khá bức xúc ở nước ta hiện nay là việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa nghiêm, chưa triệt để do vậy cần có quan điểm chỉ đạo thực hiện xuyên suốt từ trên xuống dưới: Tư tưởng TTKT gắn liền CBXH phải thống nhất, thấm nhuần trong quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, và vào hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên. Điều đó đòi hỏi sự tập trung cao độ của toàn Đảng, toàn dân: các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước, từng cán bộ, đảng viên, và các nhà hoạch định chính sách không được một phút lơ là, thiếu tập trung, mất cảnh giác.

Hiện nay ở nước ta có hai luồng ý kiến, xét cho cùng, không có lợi cho thực hiện mục tiêu "phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý

của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa" và "tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội". Ý kiến thứ nhất, tuyệt đối hóa quan điểm của Kuznets, ngộ nhận rằng ở giai đoạn đầu của sự phát triển, tất yếu BBĐ phải gia tăng. Như trên đã phân tích, có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của BBĐ, nhưng nếu chỉ quy các nguyên nhân đó thành nguyên nhân duy nhất là TTKT thì điều đó là mạo hiểm. Cần phải xem xét kỹ đâu là nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân thứ yếu; đâu là nguyên nhân bên trong, nguyên nhân bên ngoài... Quan điểm của Kuznets, xét đến nguồn gốc giai cấp của nó, là sự đoạn tuyệt với định hướng XHCN.

Trước đây, có lúc, có nơi, có người nói TTKT là điều kiện, tiền đề để thực hiện CBXH. Nói như vậy chưa chính xác bởi vẫn phản ánh quan điểm cho rằng có TTKT, mới có CBXH. Lý luận và thực tiễn nào có đối lập TTKT với CBXH bao giờ đâu? Bản chất TTKT và CBXH nào có mâu thuẫn với nhau bao giờ đâu? Cách nói trên chỉ hợp lý khi đề cập đến các chính sách xã hội nhằm thực hiện mục tiêu TTKT gắn liền CBXH.

Ý kiến thứ hai, một mặt không nhận thức rõ bản chất của TTKT và CBXH, nhưng mặt khác dễ dàng đi đến "thống nhất", và "tuồng" rằng nắm rất rõ nội dung "tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội" nhưng trên thực tế còn mơ hồ về chiến lược, chính sách. Về thực chất là hình thức chiết trung của các chiến lược tăng trưởng trước, công bằng sau, và chiến lược thực hiện công bằng xã hội cùng với tăng trưởng kinh tế đã nêu trên. Ý kiến này phản ánh quan điểm phát triển "mò mẫm", hay "được chăng hay chớ" về sự phát triển.

Thực hiện TTKT gắn liền CBXH xét cho cùng là cốt lõi của nội dung CNII, HĐH ở nước ta từ nay đến năm 2020. Bên cạnh đó, nhìn rộng ra thế giới, TTKT gắn liền CBXH trả lời cho vấn đề "ai thắng ai" trên mặt trận kinh tế - xã hội. Để thực hiện tốt nhiệm vụ nặng nề này, điều cần khẳng định lại là công tác lý luận của chúng ta phải dựa trên chủ nghĩa Marx - Lê-nin, nghiên cứu và vận dụng sâu sắc hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, không được xem nhẹ việc nghiên cứu, vận dụng có phê phán những thành tựu lý luận và thực tiễn trên thế giới mấy mươi năm trở lại đây nhằm cụ thể hóa những nội dung, bước đi, cũng như biện pháp, chính sách và để hiện thực hóa thành công bản chất của nền kinh tế XHCN là TTKT hòa quyện CBXH ngay từ đầu, trong từng bước, và trong suốt quá trình phát triển, hôm nay và mai sau ■